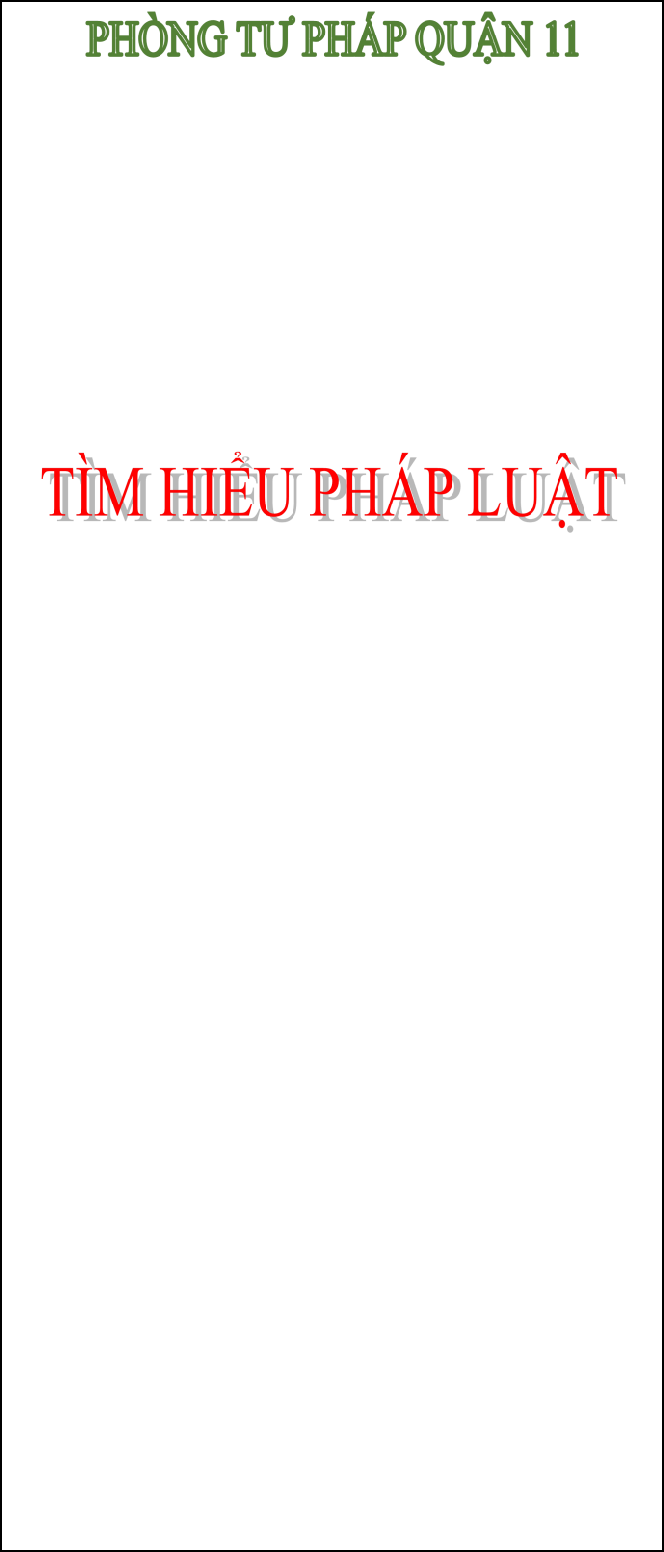
**PHÒNG TƯ PHÁP HUYỆN PHÚ NINH**



**NGHỊ ĐỊNH 17/2023/NĐ-CP NGÀY 26 THÁNG 4 NĂM 2023 QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN**

**PHÁP THI HÀNH LUẬT**

**SỞ HỮU TRÍ TUỆ VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN**

**ĐỐI TƯỢNG KHÔNG THUỘC PHẠM VI BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ (ĐIỀU 8)**

**HÌNH THỨC NỘP HỒ SƠ**

**ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ, ĐĂNG KÝ QUYỀN LIÊN QUAN**

ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG (ĐIỀU 2)

Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, người

biểu diễn,

Tổ chức,

cá nhân

khác

có

Cơ quan

có thẩm quyền

chủ sở quyền quan

quy

hữu liên theo

định

hoạt động liên quan

đến quyền

quản lý

nhà nước về quyền

tác

giả,

của Luật Sở

hữu trí tuệ

quyền liên

quan

tác giả,

quyền

liên quan

**(THEO KHOẢN 8 ĐIỀU 38)**

Trực tiếp

Dịch vụ bưu chính

Cổng dịch vụ công trực tuyến cho cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

**CÁC TRANH CHẤP VỀ QUYỀN TÁC GIẢ (ĐIỀU 62)**

1

Tin tức thời sự thuần túy đưa tin quy định tại khoản 1 Điều 15 của Luật Sở hữu trí tuệ là các thông tin báo chí ngắn hàng ngày, tin vặt, số liệu sự thật, chỉ mang tính chất

đưa tin, không có tính sáng tạo



Tranh chấp giữa cá nhân với cá nhân về quyền tác giả đối với tác phẩm văn học,

nghệ thuật, khoa học, tác phẩm phái sinh.

2

Văn bản hành chính quy định tại khoản 2 Điều 15 của Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm văn bản của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và đơn vị

lực lượng vũ trang nhân dân

1.

Tranh chấp giữa các đồng tác giả về phân chia quyền đồng tác giả.

Quy trình, hệ thống, phương pháp hoạt động, khái niệm, nguyên lý, số liệu quy

3 định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Sở hữu

trí tuệ

2.

Tranh chấp giữa các đồng chủ sở hữu quyền tác giả đối với việc phân chia quyền

3.

của các đồng chủ sở hữu khi khai thác, sử dụng,

chuyển nhượng một, một số hoặc toàn bộ các quyền tác giả.



Căn cứ xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại các điều 28 và 35 của Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm:

1. Đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi các đối tượng đang được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan: Tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả quy định tại Điều 14 của Luật Sở hữu trí tuệ; các đối tượng được bảo hộ quyền liên quan quy định tại Điều 17 của Luật Sở hữu trí tuệ
2. Có yếu tố xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong đối tượng bị xem xét

3. Người thực hiện hành vi bị xem xét không phải là chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan, trừ trường hợp đồng tác giả, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan thực hiện hành vi xâm phạm với các đồng tác giả, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan còn lại và không phải là người được pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định tại khoản 3 Điều 20, khoản 5 Điều 29, khoản 3 Điều 30, khoản 3

Điều 31 và các điều 25, 25a, 26, 32 và 33 của

Luật Sở hữu trí tuệ

Tranh chấp giữa cá nhân và tổ chức về chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm.

4.

Tranh chấp giữa chủ sở hữu quyền tác giả với tác giả về tiền bản quyền trả cho tác

5.

giả sáng tạo tác phẩm trên cơ sở nhiệm vụ được giao hoặc hợp đồng sáng tạo.

6

Tranh chấp về thực hiện quyền nhân thân hoặc quyền tài sản của tác giả, chủ

sở hữu quyền tác giả; đồng tác giả, đồng chủ sở hữu quyền tác giả.

Tranh chấp về quyền tác giả đối với chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu

7.

giữa người cung cấp tài chính và các điều kiện vật chất có tính chất quyết định cho việc xây dựng, phát triển chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu với người thiết kế, xây dựng chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu.

Tranh chấp về quyền tác giả đối với tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu giữa

8.

người đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật để sản xuất tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu với người tham gia sáng tạo và người sản xuất ra tác phẩm điện ảnh, tác phẩm sân khấu hoặc tranh chấp giữa họ với nhau về tiền bản quyền và các quyền lợi vật chất khác.

Tranh chấp giữa chủ sở hữu quyền tác giả với người sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền bản

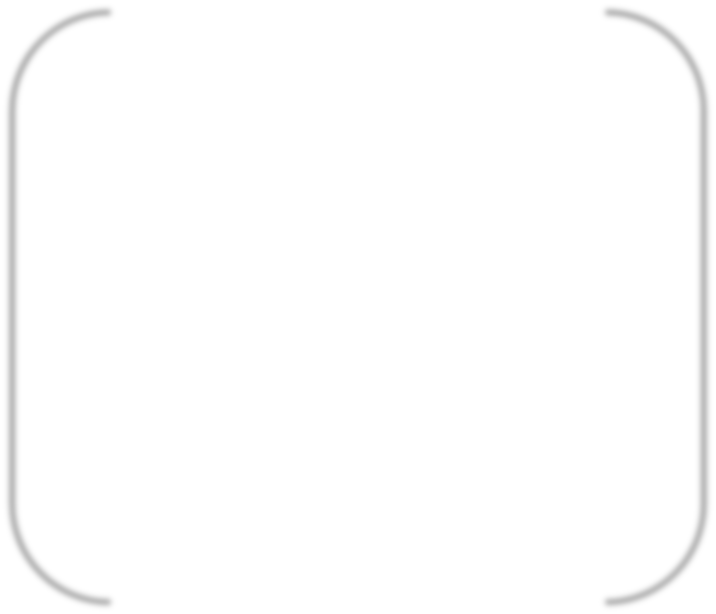
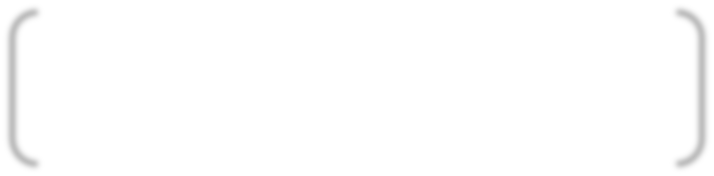
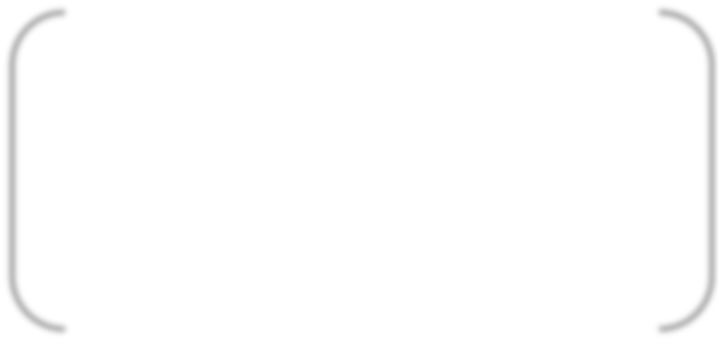
9.

quyền, vì lý do việc sử dụng mâu thuẫn với việc khai thác bình thường tác phẩm và gây thiệt hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

Tranh chấp giữa chủ sở hữu quyền tác giả với người sử dụng tác phẩm đã

10.

công bố không phải xin phép nhưng phải trả tiền bản quyền vì lý do người sử dụng không trả tiền bản quyền hoặc việc sử dụng mâu thuẫn với việc khai thác bình thường tác phẩm và gây thiệt hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.



Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả, hợp đồng

11.

chuyển quyền sử dụng quyền tác giả hoặc tranh chấp về hợp đồng tư vấn, dịch vụ quyền tác giả.

Tranh chấp phát sinh do hành vi xâm phạm quyền tác giả.

12.

Tranh chấp về thừa kế, kế thừa quyền tài sản quy định tại Điều 20 và quyền

13.

nhân thân quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật Sở hữu trí tuệ.

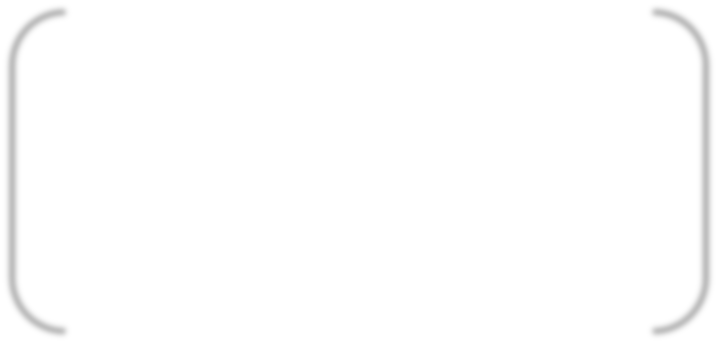
Tranh chấp khác về quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

14.

**CĂN CỨ XÁC ĐỊNH HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN (ĐIỀU 64)**

4. Hành vi bị xem xét xảy ra tại Việt Nam. Hành vi bị xem xét cũng bị coi là xảy ra tại Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet mà người tiêu dùng hoặc người khai thác, sử dụng nội dung thông tin số tại Việt Nam

**CĂN CỨ XÁC ĐỊNH TÍNH CHẤT VÀ MỨC ĐỘ XÂM PHẠM (ĐIỀU 68)**





**NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH THIỆT HẠI DO XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN**

2. Mức độ xâm phạm quy định tại khoản 1 Điều 199 của Luật Sở hữu trí tuệ được xác định dựa trên các căn cứ sau đây:

a) Phạm vi lãnh thổ, thời gian, khối lượng, quy mô thực hiện hành vi xâm phạm;

b) Ảnh hưởng, hậu quả của hành vi xâm phạm.

a) Lợi ích vật chất

hoặc tinh thần là có thực và

thuộc về

người bị

thiệt hại: Lợi ích vật chất hoặc tinh thần là kết quả (sản phẩm) của

quyền tác giả, quyền liên quan và người bị thiệt hại là người có quyền

b) Người bị thiệt hại có khả năng đạt được lợi ích quy định tại điểm a khoản này: Người bị thiệt hại có thể đạt được (thu được) lợi ích vật chất hoặc tinh thần đó trong điều

kiện định

nhất nếu

không

có

hành vi xâm phạm quyền

tác

giả,

hưởng lợi quyền liên

ích vật chất quan xảy ra; hoặc tinh

thần đó;

c) Có sự giảm sút hoặc mất lợi ích của người bị thiệt hại sau khi hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan xảy ra so với khả năng đạt được lợi ích đó khi không có hành vi xâm phạm và hành vi xâm phạm là nguyên nhân trực tiếp gây ra sự giảm sút, mất lợi ích đó: Trước khi xảy ra hành vi xâm phạm, người bị thiệt hại đã có lợi ích vật chất hoặc tinh thần và sau khi hành vi xâm phạm xảy ra người bị thiệt hại bị giảm sút hoặc mất lợi ích mà họ đạt được trước khi có hành vi xâm phạm; giữa hành vi xâm phạm và sự giảm sút, mất lợi ích đó phải có mối quan hệ nhân quả.

2. Được coi là có tổn

thất thực tế nếu có đủ các căn cứ sau đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. Tính chất xâm phạm quy định tại khoản 1 Điều 199 của Luật Sở hữu trí tuệ được xác định dựa trên các căn cứ sau đây: | | |
|  |  | 1. Hoàn cảnh, động cơ xâm phạm: Xâm phạm do vô ý, xâm phạm có ý, xâm phạm do bị khống chế hoặc bị lệ thuộc, xâm phạm lần đầu, tái phạm; 2. Cách thức thực hiện hành vi xâm phạm: Xâm phạm riêng lẻ, |
|  |

**(KHOẢN 2, 3 ĐIỀU 69)**

xâm phạm có tổ chức, tự thực hiện hành vi xâm phạm, mua chuộc, lừa dối, cưỡng ép người khác thực hiện hành vi xâm phạm.

1. Mức độ thiệt hại được xác định phù hợp với yếu tố xâm phạm quyền đối với đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan

Việc xác định mức độ thiệt hại dựa trên chứng cứ về thiệt hại do các bên cung cấp, kể cả kết quả giám định và bản kê khai thiệt hại, trong đó làm rõ các căn cứ để xác định và tính toán mức độ thiệt hại.

**TÀI LIỆU, CHỨNG CỨ KÈM THEO ĐƠN YÊU CẦU XỬ LÝ HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN (ĐIỀU 76)**

* 1. Người yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm phải gửi kèm theo đơn yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan các tài liệu, chứng cứ sau đây để chứng minh yêu cầu của mình:

đối với đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan;

c) Các tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh yêu cầu của mình.

2. Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan và phần Bảo vệ quyền trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan tại Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, Nghị định số 119/2010/NĐ- CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

* 1. Trong trường hợp yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền thì phải kèm theo văn bản ủy quyền có công chứng hoặc chứng thực; nếu thông qua người đại diện theo pháp luật thì phải kèm theo giấy tờ chứng minh tư cách của người đại diện theo pháp luật.

**HIỆU LỰC THI HÀNH (ĐIỀU 115)**

1. Chứng cứ chứng minh là chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan nếu người yêu cầu là tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc người được chuyển giao quyền, được thừa kế, kế thừa quyền tác giả, quyền liên quan;

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2023

1. Chứng cứ chứng minh hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đã xảy ra; chứng cứ nghi ngờ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan